

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2024/DS-PT

Ngày 19/11/2024

*V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Thị Như Phượng

Ông Trần Văn Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Nguyễn Hữu Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2024/TLPT-DS ngày 02/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 76/2024/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 146/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Thạch A; địa chỉ: Hẻm A đường N, tổ 4, phường H, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị M; địa chỉ: 66 đường M Chi, tổ 8, phường H1, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt

3. *Người kháng cáo:* Bà Mai Thạch A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Mai Thạch A trình bày:* Lúc đầu bị đơn có viết giấy mượn nguyên đơn số tiền 38.000.000đ tại giấy vay tiền không ghi ngày tháng nhưng có nội dung hẹn ngày 20/12/2020 Âm lịch sẽ trả, tính lãi là 5%; sau đó mượn thêm 100.000.000đ thì bị đơn yêu cầu tính lãi thấp còn 4% theo giấy vay tiền ngày

1/5/2020 Âm lịch nhưng nguyên đơn không nhớ cụ thể trong số tiền 100.000.000đ thì tiền nợ gốc bao nhiêu, tiền nợ lãi bao nhiêu.

Đối với Giấy vay nợ ngày 01/8/2020 với số tiền 270.000.000đ (gồm từ 100.000.000đ + lãi là 5% và số tiền vay mới) tiền lãi 12.000.000đ/tháng tính từ ngày viết giấy nợ là ngày 01/8/2020.

Đối với Giấy vay nợ ngày 1/12/2020 số tiền vay thêm 175.150.000đ có ghi rõ bớt 10.000.000đ còn lại là 165.000.000đ.

Đối với giấy vay tiền ghi ngày 30/2/2021 với số tiền vay là 543.400.000đ cụ thể là tính có số tiền vay của giấy vay nợ ngày 01/8/2020 số tiền 270.000.000đ + Giấy vay nợ ngày 1/12/2020 số tiền 165.000.000đ (mỗi tháng 5%) + số tiền vay thêm là 64.000.000đ và tiền lãi của số tiền 270.000.000đ (mỗi tháng là 12.000.000đ).

Đối với giấy mượn tiền ngày 1/5/2020 số tiền mượn là 200.000.000đ là số tiền vay của nhiều lần, không có tiền lãi.

Tất cả các giấy vay, giấy mượn tiền, giấy vay nợ đều do nguyên đơn viết nội dung, còn bị đơn ký tên.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ các khoản: nợ gốc 543.400.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 12%/năm, kể từ ngày viết giấy nợ đến khi trả xong nợ; trả số tiền nợ gốc 200.000.000đ; trả tiền mua điện thoại trả góp 10.400.000đ. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn bà Trần Thị M trình bày:* Bị đơn quen biết nguyên đơn từ năm 2018, giai đoạn đầu bị đơn có mượn nguyên đơn từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ, sau cộng nhiều lần thành 40.000.000đ. Bị đơn chỉ nhớ là chốt số nợ gốc là 140.000.000đ và tiền lãi, tổng cộng là 200.000.000đ. Bị đơn thừa nhận là có ký và ghi tên là Trần Thị M ở giấy 100.000.000đ và giấy nợ 200.000.000đ. Các giấy nợ khác là ghi cả tiền lãi cộng chưa trả trong giấy vay, với lãi suất là 20%/tháng. Bị đơn thừa nhận các chữ ký, chữ viết tên Trần Thị M trong các giấy nhận nợ do nguyên đơn cung cấp là của bị đơn nhưng do bị nguyên đơn ép buộc ký, khi ký không để ý nội dung. Bị đơn không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết tên Trần Thị M trong các giấy nhận nợ. Nay bị đơn xin trả nợ mỗi tháng là 2.000.000đ cho nguyên đơn đến khi hết nợ.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 76/2024/DSST ngày 19 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:*

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 5, 91, 92, 235, 244, 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 275, 280, 351, 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thạch A.

1. Buộc chị Trần Thị M trả cho chị Mai Thạch A số tiền vay 499.450.000đ (Bốn trăm chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) nợ gốc và tiền lãi 162.777.414đ (Một trăm sáu hai triệu bảy trăm bảy bảy nghìn bốn trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thạch A với số tiền bị bác là 54.350.000đ (Năm tư triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) và 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền nợ gốc theo Giấy mượn tiền ngày 01/5/2020 âm lịch.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 31/7/2024, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn các khoản: tiền nợ gốc 543.400.000đ và lãi suất 12%/năm, kể từ ngày viết giấy nợ đến khi trả xong nợ; trả số tiền nợ gốc 200.000.000đ, không yêu cầu tính lãi; trả số tiền mua điện thoại trả góp giùm cho bị đơn là 10.400.000đ.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

* Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Kháng cáo của nguyên đơn đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định của pháp luật nên được giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bà Mai Thạch A thấy rằng:

[2.1]. “Giấy vay tiền” đề ngày 30/2/2021 âm lịch thể hiện “*Từ ngày 1/2/2020 âm lịch đến ngày 30/2/2021 âm lịch. Tôi có vay của chị Mai Thạch A Đ/c Hẻm 480 N- Tổ 4- Hội Phú – Pleiku Glai.ĐT 0989738280 với số tiền đã vay là 543.400.000 (Năm trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn)*”. Như vậy số tiền 543.400.000đ ghi ngày 30/02/2021 âm lịch đã bao gồm khoản tiền 200.000.000đ theo giấy mượn tiền đề ngày 01/5/2020 âm lịch. Nguyên đơn cho rằng khoản vay ngày 01/5/2020 âm lịch là khoản vay riêng, không nhập vào khoản vay ngày 30/02/2021 âm lịch do không liên lạc được với bị đơn là không có căn cứ. Mặt khác, nguyên đơn thừa nhận trong số tiền 543.400.000đ có 43.950.000đ là tiền lãi. Do vậy cấp cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận số nợ gốc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 499.450.000đ là có cơ sở.

[2.2]. Đối với kháng cáo yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 12%/năm. Thấy rằng trên giấy vay tiền không ghi cụ thể mức lãi suất nhưng các bên đều thừa nhận việc vay là có lãi. Tòa án cấp sơ thẩm xác định mức lãi suất của khoản vay theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là đúng pháp luật.

[2.3]. Đối với số tiền 10.400.000đ tiền mua điện thoại trả góp. Cấp sơ thẩm đã xác minh tại Cửa hàng Thế giới di động số 05 Nguyễn Tất Thành, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai thì người mua điện thoại hiệu Samsung galaxy A72A725 ngày 23/8/2021, đồng thời người trả tiền mua điện thoại và nhận điện thoại là bà Mai Thạch A. Trong khi đó bà Mai không thừa nhận việc nhờ bà Anh mua điện thoại giùm. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà Anh là có căn cứ.

[3]. Từ các phân tích tại mục [2.1], [2.2] và [3.3], Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Mai Thạch A. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 76/2024/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mai Thạch A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 000259 ngày 01/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Bà Anh đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku
- Đương sự;
- Lưu Tòa, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Chí Công

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thường

Đinh Thị Như Phượng

Đặng Chí Công